

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2009

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III/2009	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý III	
				Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	59.162.484.965	148.667.521.615	184.917.435.996
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		59.162.484.965	148.667.521.615	184.917.435.996
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	7.581.090.524	7.967.294.197	44.110.289.265
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		51.581.394.441	140.700.227.418	140.807.146.731
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	95.214.675.225	184.352.731.347	88.395.038.880
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13.453.929.485	13.900.196.921	25.408.176.634
Trong đó: Chi phí lãi vay			12.230.416.406	26.111.493.566	25.018.956.517
8. Chi phí bán hàng	24		26.676.057.661	75.851.432.207	75.761.206.292
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.549.417.897	7.645.554.974	5.582.946.957
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		104.116.664.623	227.655.774.663	122.449.855.728
11. Thu nhập khác	31		1.270.288.022	2.562.416.802	1.441.833.023
12. Chi phí khác	32		202.484.531	225.406.097	80.889.548
13. Lợi nhuận khác	40		1.067.803.491	2.337.010.705	1.360.943.475
14. Lợi nhuận trong công ty liên kết	50		6.073.298.983	11.182.905.712	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		111.257.767.097	241.175.691.080	123.810.799.203
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	VI.5	13.325.850.389	23.544.563.541	10.279.739.707
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	70		97.931.916.708	217.631.127.539	113.531.059.496
17.1. Lợi ích cổ đông thiểu số	71		290.549.999	428.336.473	-
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		97.641.366.710	217.202.791.066	113.531.059.496
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80		2.343	5.590	2.838



Lê Vũ Hoàng
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 10 năm 2009

Lê Quốc Bình
Kế toán trưởng